

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành “Hướng dẫn quản lý người mắc COVID-19 tại nhà”**

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

*Căn cứ Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV;*

*Theo ý kiến của Hội đồng chuyên môn nghiệm thu Hướng dẫn quản lý người nhiễm SARS-CoV-2 và người bệnh COVID-19 mức độ nhẹ tại nhà được thành lập theo Quyết định số 3838/QĐ-BYT ngày 10/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh, Bộ Y tế,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn quản lý người mắc COVID-19 tại nhà”.

**Điều 2.** Tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn quản lý người mắc COVID-19 tại nhà” được áp dụng tại tuyến y tế cơ sở theo sự chỉ đạo của Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 của địa phương.

**Điều 3.** Giao Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19 tại địa phương, hướng dẫn quản lý người mắc COVID-19 tại nhà của Bộ Y tế để xây dựng và triển khai Hướng dẫn quản lý người mắc COVID-19 tại nhà thực hiện tại địa phương.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 4038/QĐ-BYT ngày 21/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn tạm thời về quản lý người nhiễm COVID-19 tại nhà và Quyết định số 4109/QĐ-BYT ngày 26/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc điều trị ngoại trú cho người nhiễm COVID-19 tại nhà.

**Điều 5.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ, Chánh thanh tra Bộ, Tổng Cục trưởng, Cục trưởng và Vụ trưởng các Tổng cục, Cục, Vụ thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, Thủ trưởng Y tế các ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo)
- Các Thủ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế, website Cục QLKCB;
- Lưu: VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Trường Sơn**

syt\_langan\_vt\_So Y te Long An\_02/02/2022\_15:45:48



**HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ NGƯỜI MẮC COVID-19 TẠI NHÀ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**Hà Nội, 2022**

**DANH SÁCH BAN BIÊN SOẠN**  
**“HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ NGƯỜI MẮC COVID-19 TẠI NHÀ”**

**Chỉ đạo biên soạn**

PGS.TS. Nguyễn Trường Sơn      Thứ trưởng Bộ Y tế

**Chủ biên**

PGS.TS. Lương Ngọc Khuê      Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh – Bộ Y tế,

**Đồng chủ biên**

PGS.TS. Nguyễn Lâm Hiếu      Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Hà Nội

**Tham gia biên soạn và thẩm định**

PGS.TS. Phạm Thị Ngọc Thảo      Phó Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy

BsCKII. Nguyễn Trung Cấp      Phó Giám đốc Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương

TS. Nguyễn Văn Vĩnh Châu      Phó Giám đốc Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh

BsCKII. Nguyễn Minh Tiến      Phó Giám đốc Bệnh viện Nhi đồng TP Hồ Chí Minh

TS. Nguyễn Trọng Khoa      Phó Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

TS. Vương Ánh Dương      Phó Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh

PGS.TS. Đỗ Duy Cường      Giám đốc Trung tâm Bệnh nhiệt đới – Bệnh viện Bạch Mai

PGS.TS Lê Thị Anh Thư      Chủ tịch Hội Kiểm soát nhiễm khuẩn TP Hồ Chí Minh

BS. Bùi Nghĩa Thịnh      Trưởng khoa Hồi sức tích cực – BV Quận Thủ Đức TP Hồ Chí Minh

ThS. Vũ Quang Hiếu      Chuyên gia Văn Phòng Tổ chức Y tế thế giới tại Việt Nam

TS. Dương Huy Lương      Trưởng phòng Quản lý chất lượng – Chỉ đạo tuyến – Cục QLKCB

ThS. Nguyễn Thị Thanh Ngọc      Phụ trách phòng Nghiệp vụ - Thanh tra - Bảo vệ sức khỏe cán bộ, Cục QLKCB

ThS. Hà Thị Kim Phượng      Trưởng phòng Điều dưỡng – Dinh dưỡng và Kiểm soát nhiễm khuẩn – Cục QLKCB – Bộ Y tế

TS. Tạ Anh Tuấn      Trưởng khoa Điều trị tích cực Nội khoa – BV Nhi trung ương

BsCKII. Đỗ Châu Việt      Trưởng khoa Nhiễm – Bệnh viện Nhi đồng 2 TP Hồ Chí Minh

BsCKII. Dư Tuấn Quy      Trưởng khoa Nhiễm-Thần kinh – Bệnh viện Nhi đồng 1 TP HCM

BsCKII. Bùi Nguyễn Thành Long      Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế TP Hồ Chí Minh

TS. Nguyễn Quốc Thái      Trung tâm Bệnh nhiệt đới – Bệnh viện Bạch Mai

ThS. Trương Lê Vân Ngọc      Phó trưởng phòng Nghiệp vụ - Thanh tra - Bảo vệ sức khỏe cán bộ, Cục QLKCB - Bộ Y tế

ThS. Cao Đức Phương      Chuyên viên phòng Nghiệp vụ - Thanh tra - Bảo vệ sức khỏe cán bộ, Cục QLKCB - Bộ Y tế

**Thư ký biên soạn**

TS. Nguyễn Quốc Thái      Trung tâm Bệnh nhiệt đới – Bệnh viện Bạch Mai

ThS. Trương Lê Vân Ngọc      Phó trưởng phòng Nghiệp vụ - Thanh tra - Bảo vệ sức khỏe cán bộ, Cục QLKCB - Bộ Y tế

DS. Đỗ Thị Ngát      Chuyên viên Cục QLKCB - Bộ Y tế

## MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ NGƯỜI MẮC COVID-19 TẠI NHÀ	5
I. THÔNG TIN CHUNG	5
1. Mục đích	5
2. Đối tượng sử dụng	5
II. ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ TẠI NHÀ	5
<b>1. Tiêu chí lâm sàng đối với người mắc COVID-19 bao gồm 3 tiêu chí sau:</b>	5
2. Khả năng người mắc COVID-19 tự chăm sóc	5
III. NHIỆM VỤ CỦA CƠ SỞ QUẢN LÝ NGƯỜI MẮC COVID-19 TẠI NHÀ	6
1. Xác định, lập danh sách người mắc COVID-19 quản lý tại nhà	6
2. Hướng dẫn người mắc COVID-19 theo dõi sức khỏe tại nhà	6
2.1. Theo dõi sức khỏe	6
2.2. Hướng dẫn chế độ ăn uống, sinh hoạt	7
2.3. Hướng dẫn thực hiện cách ly y tế tại nhà	7
Theo hướng dẫn của Bộ Y tế và quy định của địa phương	7
3. Khám bệnh và theo dõi sức khỏe người mắc COVID-19	7
3.1. Theo dõi sức khỏe hàng ngày	7
3.2. Khám bệnh, kê đơn điều trị tại nhà	8
3.3. Phát hiện và xử trí diễn biến bất thường liên quan bệnh nền	8
4. Xét nghiệm COVID-19 để kết thúc cách ly:	9
5. Xử trí cấp cứu, chuyển viện	9
PHỤ LỤC SỐ 01	10
PHỤ LỤC SỐ 02	13
PHỤ LỤC SỐ 03	14

## HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ NGƯỜI MẮC COVID-19 TẠI NHÀ

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Mục đích

“Hướng dẫn quản lý người mắc COVID-19 tại nhà” được xây dựng với mục đích cung cấp các hướng dẫn và quy định về quản lý, hỗ trợ và chăm sóc người nhiễm SARS-CoV-2 và người bệnh COVID-19 mức độ nhẹ tại nhà (sau đây gọi chung là người mắc COVID-19).

#### 2. Đối tượng sử dụng

a) Trạm y tế xã, phường, thị trấn; Trạm y tế lưu động; Trung tâm y tế quận, huyện, phòng khám; Trung tâm vận chuyển cấp cứu và các cơ sở được phân công tham gia công tác quản lý người mắc COVID-19 tại nhà (sau đây gọi tắt là Cơ sở quản lý người mắc COVID-19 tại nhà).

b) Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 xã, phường, thị trấn; Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 quận, huyện, thị xã.

c) Nhân viên tham gia công tác quản lý người mắc COVID-19 tại nhà.

### II. ĐỐI TƯỢNG QUẢN LÝ TẠI NHÀ

#### 1. Tiêu chí lâm sàng đối với người mắc COVID-19 bao gồm 3 tiêu chí sau:

a) Là người mắc COVID-19 (được khẳng định nhiễm SARS-CoV-2 bằng xét nghiệm realtime RT-PCR hoặc test nhanh kháng nguyên theo quy định hiện hành) không có triệu chứng lâm sàng; hoặc có triệu chứng lâm sàng ở mức độ nhẹ: như sốt, ho khan, đau họng, nghẹt mũi, mệt mỏi, đau đầu, đau mỏi cơ, tê lưỡi; tiêu chảy, chảy mũi, mất mùi, mất vị.

b) Không có các dấu hiệu của viêm phổi hoặc thiếu ô xy; nhịp thở < 20 lần/phút; SpO<sub>2</sub> > 96% khi thở khí trời; không có thở bất thường như thở rên, rút lõm lồng ngực, phập phồng cánh mũi, thở khò khè, thở rít ở thì hít vào.

c) Không mắc bệnh nền, hoặc có bệnh nền nhưng đang được điều trị ổn định.

#### 2. Khả năng người mắc COVID-19 tự chăm sóc

a) Có thể tự chăm sóc bản thân như ăn uống, tắm rửa, giặt quần áo, vệ sinh và có thể tự theo dõi tình trạng sức khỏe theo hướng dẫn của nhân viên y tế.

b) Có khả năng liên lạc với nhân viên y tế để được theo dõi, giám sát và khi có tình trạng cấp cứu: Có khả năng giao tiếp và sẵn có phương tiện liên lạc như điện thoại, máy tính...

c) Trường hợp người mắc COVID-19 không có khả năng tự chăm sóc, gia đình phải có người chăm sóc đáp ứng các tiêu chí của mục a, b ở trên.

### **III. NHIỆM VỤ CỦA CƠ SỞ QUẢN LÝ NGƯỜI MẮC COVID-19 TẠI NHÀ**

#### **1. Xác định, lập danh sách người mắc COVID-19 quản lý tại nhà**

a) Cơ sở quản lý người mắc COVID-19 tại nhà hoặc cơ sở y tế được Sở Y tế phân công, thực hiện đánh giá người mắc COVID-19 theo các tiêu chí quy định tại mục 1 phần II.

b) Lập danh sách quản lý người mắc COVID-19 tại nhà (Danh sách quản lý người mắc COVID-19 tại nhà theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01).

#### **2. Hướng dẫn người mắc COVID-19 theo dõi sức khỏe tại nhà**

##### **2.1. Theo dõi sức khỏe**

a) Cơ sở quản lý sức khỏe người mắc COVID-19 hướng dẫn người mắc COVID-19 thực hiện tự theo dõi sức khỏe và điền thông tin vào Phiếu theo dõi sức khỏe người mắc COVID-19 tại nhà (Phiếu theo dõi theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02), 2 lần/ngày vào buổi sáng và buổi chiều hoặc khi có các dấu hiệu, triệu chứng cần chuyển viện cấp cứu, điều trị theo quy định tại mục c, phần 2.1.

b) Nội dung theo dõi sức khỏe hàng ngày

- Chỉ số: nhịp thở, mạch, nhiệt độ, SpO<sub>2</sub> và huyết áp (nếu có thể).

- Các triệu chứng: mệt mỏi, ho, ho ra đờm, ớn lạnh/gai rét, viêm kết mạc (mắt đỏ), mất vị giác hoặc khứu giác, tiêu chảy (phân lỏng/đi ngoài); Ho ra máu, thở dốc hoặc khó thở, đau tức ngực kéo dài, lơ mơ, không tỉnh táo; Các triệu chứng khác như: Đau họng, nhức đầu, chóng mặt, chán ăn, buồn nôn và nôn, đau nhức cơ,...

c) Phát hiện bất cứ một trong các dấu hiệu dưới đây phải thông báo ngay với Cơ sở quản lý người mắc COVID-19 tại nhà; trạm y tế xã, phường; hoặc trạm y tế lưu động, Trung tâm vận chuyển cấp cứu... để được xử trí cấp cứu và chuyển viện kịp thời:

1) Khó thở, thở hụt hơi, hoặc ở trẻ em có dấu hiệu thở bất thường: thở rên, rút lõm lồng ngực, phập phồng cánh mũi, khò khè, thở rít thì hít vào.

2) Nhịp thở

- Người lớn: nhịp thở  $\geq 20$  lần/phút

- Trẻ từ 1 đến dưới 5 tuổi: Nhịp thở:  $\geq 40$  lần/phút,

- Trẻ từ 5 – dưới 12 tuổi: nhịp thở:  $\geq 30$  lần/phút

(Lưu ý ở trẻ em: đếm đủ nhịp thở trong 1 phút khi trẻ nằm yên không khóc).

3)  $SpO_2 \leq 96\%$  (trường hợp phát hiện chỉ số  $SpO_2$  bất thường cần đo lại lần 2 sau 30 giây đến 1 phút, khi đo yêu cầu giữ yên vị trí đo).

4) Mạch nhanh  $> 120$  nhịp/phút hoặc  $< 50$  nhịp/phút.

5) Huyết áp thấp: huyết áp tối đa  $< 90$  mmHg, huyết áp tối thiểu  $< 60$  mmHg (nếu có thể đo).

6) Đau tức ngực thường xuyên, cảm giác bó thắt ngực, đau tăng khi hít sâu.

7) Thay đổi ý thức: lú lẫn, ngủ rũ, lơ mơ, rất mệt/mệt lả, trẻ quấy khóc, li bì khó đánh thức, co giật.

8) Tím môi, tím đầu móng tay, móng chân, da xanh, môi nhợt, lạnh đầu ngón tay, ngón chân.

9) Không thể uống hoặc bú kém/giảm, ăn kém, nôn (ở trẻ em). Trẻ có biểu hiện hội chứng viêm đa hệ thống: sốt cao, đỏ mắt, môi đỏ, lưỡi dâu tây, ngón tay chân sưng phù nổi hồng ban...

10) Mặc thêm bệnh cấp tính: sốt xuất huyết, tay chân miệng...

11) Bất kỳ tình trạng bất ổn nào của người mắc COVID-19 mà thấy cần báo cơ sở y tế.

## **2.2. Hướng dẫn chế độ ăn uống, sinh hoạt**

Người mắc COVID-19 nên nghỉ ngơi, vận động thể lực nhẹ (phù hợp với tình trạng sức khỏe); tập thở ít nhất 15 phút mỗi ngày; Uống nước thường xuyên, không đợi đến khi khát mới uống nước; không bỏ bữa; tăng cường dinh dưỡng: ăn đầy đủ chất, ăn trái cây, uống nước hoa quả... và suy nghĩ tích cực, duy trì tâm lý thoải mái.

## **2.3. Hướng dẫn thực hiện cách ly y tế tại nhà**

Theo hướng dẫn của Bộ Y tế và quy định của địa phương

## **3. Khám bệnh và theo dõi sức khỏe người mắc COVID-19**

### **3.1. Theo dõi sức khỏe hàng ngày**

a) Ghi chép, cập nhật thông tin về tình trạng sức khỏe người mắc COVID-19 hàng ngày vào Phiếu theo dõi sức khỏe người mắc COVID-19 (Phụ lục số 02); hoặc phần mềm quản lý sức khỏe người mắc COVID-19.

b) Đánh giá và xử trí theo Hướng dẫn phân loại nguy cơ người nhiễm SARS-CoV-2 của Bộ Y tế.

c) Tiếp nhận các cuộc gọi điện thoại và tư vấn cho người mắc COVID-19, người chăm sóc.

d) Nhân viên của Cơ sở quản lý người mắc COVID-19 tại nhà có nhiệm vụ đến nhà người mắc COVID-19 để hỗ trợ trực tiếp trong các trường hợp:



- Người mắc COVID-19 có tình trạng cấp cứu cần xử trí ngay.
- Không nhận được báo cáo về tình trạng sức khỏe của người mắc COVID-19 và không liên lạc được với người mắc COVID-19 hoặc người chăm sóc.

### **3.2. Khám bệnh, kê đơn điều trị tại nhà**

a) Điều trị triệu chứng: Kê đơn, cấp phát thuốc điều trị triệu chứng

- Sốt:

+ Đối với người lớn:  $> 38,5^{\circ}\text{C}$  hoặc đau đầu, đau người nhiều: uống mỗi lần 1 viên thuốc hạ sốt như paracetamol 0,5 g, có thể lặp lại mỗi 4-6 h, ngày không quá 4 viên, uống oresol nếu ăn kém/giảm hoặc có thể dùng uống thay nước.

+ Đối với trẻ em:  $> 38,5^{\circ}\text{C}$ , uống thuốc hạ sốt như paracetamol liều 10-15 mg/kg/lần, có thể lặp lại mỗi 4-6 h, ngày không quá 4 lần.

Nếu sau khi dùng thuốc hạ sốt 2 lần không đỡ, yêu cầu người mắc COVID-19 thông báo ngay cho Cơ sở quản lý người mắc COVID-19 tại nhà để được xử trí.

- Ho: dùng thuốc giảm ho khi ho khan nhiều.

b) Kê đơn, cấp phát thuốc điều trị ngoại trú: thực hiện theo Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 do Bộ Y tế ban hành.

c) Khám, chữa bệnh tại nhà bởi Trạm y tế lưu động hoặc Đội y tế lưu động: Căn cứ vào số ca mắc và khu vực có ca mắc trên địa bàn phường, xã để thành lập các Trạm y tế lưu động hoặc Đội y tế lưu động sẵn sàng hỗ trợ cấp cứu cho người bệnh tại nhà.

d) Danh mục thuốc điều trị ngoại trú cho người mắc COVID-19 tại nhà trong Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Quyết định này.

### **3.3. Phát hiện và xử trí diễn biến bất thường liên quan bệnh nền**

a) Sau khi thăm khám, đánh giá về bệnh nền, nếu phát hiện diễn biến bất thường liên quan bệnh nền cần tư vấn người bệnh chuyển đến quản lý theo dõi tại cơ sở y tế.

b) Hội chẩn chuyên gia y tế tuyến trên cho những trường hợp có bệnh nền khó, phức tạp chưa có điều kiện vận chuyển ngay đến cơ sở y tế.

c) Hướng dẫn người chăm sóc, người mắc COVID-19 về việc chuyển người bệnh đến các cơ sở y tế khi có các tình trạng cấp cứu đối với các bệnh lý khác như nguy cơ tai biến sản khoa, chấn thương, đột quỵ...đồng thời thông báo cho các cơ sở y tế nơi tiếp nhận các bệnh nhân này về tình trạng nhiễm COVID-19 của họ.

#### **4. Xét nghiệm COVID-19 để kết thúc cách ly:**

a) Xét nghiệm COVID-19 cho người mắc COVID-19 để kết thúc cách ly y tế: Thực hiện theo Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 do Bộ Y tế ban hành.

b) Làm xét nghiệm hoặc hướng dẫn tự xét nghiệm tại nhà cho người chăm sóc hoặc người ở cùng nhà với người mắc COVID-19 (xét nghiệm realtime RT-PCR hoặc test nhanh kháng nguyên) khi có triệu chứng nghi mắc COVID-19.

#### **5. Xử trí cấp cứu, chuyển viện**

a) Cơ sở quản lý người mắc COVID-19 tại nhà hướng dẫn người mắc COVID-19 khi có các dấu hiệu, triệu chứng cấp cứu cần liên hệ ngay với Cơ sở quản lý người mắc COVID-19 tại nhà hoặc Trung tâm vận chuyển cấp cứu để được hỗ trợ xử trí cấp cứu, chuyển viện kịp thời.

b) Trong thời gian chờ đợi chuyển tuyến, Cơ sở quản lý người mắc COVID-19 hướng dẫn, xử trí cấp cứu cho người bệnh.

**PHỤ LỤC SỐ 01**

**Danh sách quản lý người mắc COVID-19 tại nhà**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Trang bìa

**TÊN CƠ SỞ Y TẾ**

.....

**DANH SÁCH QUẢN LÝ  
NGƯỜI MẮC COVID-19 TẠI NHÀ**

**Năm 202...**

syt\_longan\_vt\_So Y te Long An\_02/02/2022\_15:45:45



Trang bên phải

**DANH SÁCH QUẢN LÝ NGƯỜI MẮC COVID-19 TẠI NHÀ**

<b>Họ tên người nhà</b>	<b>Điện thoại người nhà</b>	<b>Ngày xác định mắc COVID-19/ ngày khởi phát</b>	<b>Ngày kết thúc quản lý tại nhà</b>	<b>Ngày chuyển viện và nơi chuyển đến</b>	<b>Từ vong</b>

syt\_longan\_vit\_So\_Y te Long An\_02/02/2021 15:45

## PHỤ LỤC SỐ 02

### PHIẾU THEO DÕI SỨC KHOẺ NGƯỜI MẮC COVID-19 TẠI NHÀ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Sinh ngày: \_\_\_/\_\_\_/\_\_\_ Giới tính: Nam Nữ Điện thoại: \_\_\_\_\_

Họ và tên người chăm sóc: \_\_\_\_\_ Sinh ngày: \_\_\_/\_\_\_/\_\_\_ Số điện thoại: \_\_\_\_\_

TT	↓ Nội dung	Ngày theo dõi ☑	1		2		3		4		5		6		7		8		8		10		11		12		13		14	
			S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C	S	C
<b>Liên hệ ngay với nhân viên y tế nếu có 1 trong số dấu hiệu sau: SpO2 ≤96%, nhịp thở ≥20 lần/phút, mạch &lt;50 hoặc &gt;120 lần/phút, huyết áp &lt; 90/60 mmHg</b>																														
1.	Mạch (lần/phút)																													
2.	Nhiệt độ hằng ngày (độ C)																													
3.	Nhịp thở																													
4.	SpO <sub>2</sub> (%)																													
5.	Huyết áp tối đa (mmHg) (nếu có thể đo)																													
	Huyết áp tối thiểu (mmHg) (nếu có thể đo)																													
6.	<b>KHÔNG TRIỆU CHỨNG</b>																													
<i>Chú ý đến sức khỏe của bạn. Nếu bạn có bất kỳ triệu chứng nào, hãy viết (C): hoặc (K) là KHÔNG bên dưới cho mỗi triệu chứng hằng ngày.</i>																														
7.	Mệt mỏi																													
8.	Ho																													
9.	Ho ra đờm																													
10.	Ớn lạnh/gai rét																													
11.	Viêm kết mạc (mắt đỏ)																													
12.	Mất vị giác hoặc khứu giác																													
13.	Tiêu chảy (phân lỏng / đi ngoài)																													
<b>Liên hệ ngay với nhân viên y tế nếu có một trong số các triệu chứng sau</b>																														
14.	Ho ra máu																													
14.	Thở dốc hoặc khó thở																													
15.	Đau tức ngực kéo dài																													
16.	Lơ mơ, không tỉnh táo																													

Triệu chứng khác: Đau họng, nhức đầu, chóng mặt, chán ăn, buồn nôn và nôn, đau nhức cơ... thêm vào phần "Ghi chú"

Ghi chú:  
 .....  
 .....

## PHỤ LỤC SỐ 03

### Danh mục thuốc điều trị ngoại trú cho người mắc COVID-19 tại nhà

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT  
ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

#### 1. Các nhóm thuốc trong Danh mục, bao gồm:

TT	Tên thuốc
1.	<b>Thuốc hạ sốt, giảm đau</b>
	Paracetamol: - cho trẻ em: gói bột hoặc cốm pha hỗn dịch uống hàm lượng 80 mg, 100 mg, 150 mg hoặc 250 mg; - cho người lớn: viên nén 250 mg hoặc 500 mg.
2.	<b>Thuốc kháng vi rút:</b> lựa chọn một trong các thuốc sau:
	Favipiravir 200 mg, 400 mg (viên).
	Molnupiravir 200 mg, 400 mg (viên).
3.	<b>Thuốc chống viêm corticosteroid đường uống:</b> Thuốc không phát sẵn cho người mắc COVID-19, thuốc phải được bác sỹ kê đơn theo quy định tại Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 do Bộ Y tế ban hành và chỉ kê đơn điều trị trong 1 ngày trong thời gian chờ chuyển đến cơ sở điều trị người bệnh COVID-19. Lựa chọn một trong các thuốc sau:
	- Dexamethason 0,5 mg (viên nén)
	- Methylprednisolon 16 mg (viên nén).
4.	<b>Thuốc chống đông máu đường uống:</b> Thuốc không phát sẵn cho người mắc COVID-19, thuốc phải được bác sỹ kê đơn theo quy định tại Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 do Bộ Y tế ban hành và chỉ kê đơn điều trị trong 1 ngày trong thời gian chờ chuyển đến cơ sở điều trị người bệnh COVID-1. Lựa chọn một trong các thuốc sau:
	- Rivaroxaban 10 mg (viên).
	- Apixaban 2,5 mg (viên).

## 2. Lưu ý thuốc kháng vi rút, thuốc chống viêm corticosteroid và thuốc chống đông máu:

a) Thực hiện kê đơn điều trị ngoại trú theo quy định tại Thông tư 52/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định về Đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú và Thông tư 18/2018/TT-BYT ngày 22/8/2018 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT-BYT.

b) Thuốc kháng vi rút dùng sớm ngay sau khi có chẩn đoán xác định mắc COVID-19, tốt nhất trong 05 ngày đầu kể từ khi khởi phát triệu chứng. Ưu tiên sử dụng cho những trường hợp có triệu chứng hoặc có nguy cơ cao bệnh tiến triển nặng như người trên 65 tuổi, chưa tiêm đủ liều vắc xin, có bệnh nền không ổn định...

c) Chỉ định điều trị kết hợp đồng thời thuốc chống viêm corticosteroid và thuốc chống đông máu khi người bệnh COVID-19 có bất kỳ một trong các dấu hiệu sớm của suy hô hấp và chỉ kê đơn điều trị trong 1 ngày trong thời gian chờ chuyển đến cơ sở điều trị người bệnh COVID-19.

Các dấu hiệu suy hô hấp là:

(1) Khó thở, thở hụt hơi, hoặc khó thở tăng lên khi vận động (đứng lên, đi lại trong nhà) hoặc ở trẻ em có dấu hiệu thở bất thường: thở rên, rút lõm lồng ngực, phập phồng cánh mũi, khò khè, thở rít thì hít vào, và/hoặc

(2) Nhịp thở (ở trẻ em đếm đủ nhịp thở trong 1 phút khi trẻ nằm yên không khóc):

≥ 20 lần/phút ở người lớn;

≥ 30 lần/phút ở trẻ em từ 5 - dưới 12 tuổi;

≥ 40 lần/phút ở trẻ em từ 1 đến dưới 5 tuổi;

và/hoặc

(3)  $SpO_2 \leq 96\%$  (khi phát hiện bất thường đo lại lần 2 sau 30 giây đến 1 phút, khi đo yêu cầu giữ yên vị trí đo).

d) Khi kê đơn, lưu ý kiểm tra kỹ các chống chỉ định, khai thác thông tin về các thuốc người bệnh đang sử dụng để tránh các tương tác thuốc nghiêm trọng khi kê đơn. Tư vấn cho người bệnh hoặc người chăm sóc nhận biết một số tác dụng không mong muốn quan trọng của thuốc để kịp thời phát hiện và xử trí phù hợp trong quá trình sử dụng.